

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
	Nhà thầu bảo đảm Hàng hóa mới 100%, có nhãn mác, xuất xứ rõ ràng của hãng sản xuất; Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật, số lượng, chất lượng hoàn toàn phù hợp hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu chương V của HSMT	X	
	Hàng hóa không đảm bảo mới 100%; không có đầy đủ nhãn mác, xuất xứ hoặc hàng hóa do nhà thầu cung cấp không có tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số kỹ thuật, số lượng, chất lượng phù hợp hoặc đáp ứng thấp hơn yêu cầu của chương V HSMT		X
2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		
	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp và hiệu quả kinh tế	X	
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp và hiệu quả kinh tế		X

3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
3.1	Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì		
	Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì cho hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp cho gói thầu.	x	
	Nhà thầu không trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì cho hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp cho gói thầu hoặc có kế hoạch không phù hợp, không hợp lý.		x
3.2	Thời gian bảo hành, bảo trì		
	Thời gian bảo hành $\geq$ thời gian bảo hành của nhà sản xuất và tối thiểu 12 tháng; bảo trì ≥ 12 tháng kể từ thời gian hết bảo hành.	x	
	Thời gian bảo hành $<$ thời gian bảo hành của nhà sản xuất hoặc < 12 tháng; bảo trì < 12 tháng kể từ thời gian hết bảo hành.		x
4	Tiến độ cung cấp hàng hóa		
	Thời gian cung cấp hàng hóa (bao gồm thời gian giao hàng và thời gian nghiệm thu, quyết toán hoàn thành) ≤ 30 ngày	x	
	Thời gian cung cấp hàng hóa (bao gồm thời gian giao hàng và thời gian nghiệm thu, quyết toán hoàn thành) ≥ 30 ngày		x
5	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
	Có cam kết	x	
	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng chủ đầu tư kiểm tra, thu thập thông tin là nhà thầu vi phạm sẽ bị đánh giá không đạt và không kiến nghị		x
6	Xử lý khắc phục sự cố hư hỏng (trong thời gian bảo hành)		
	Cam kết có mặt trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về khắc phục sự cố hỏng hóc, lỗi.	x	
	Không có cam kết có mặt trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về khắc phục sự cố hỏng hóc, lỗi.		x
7	Các cam kết		
7.1	Cam kết cung cấp các dịch vụ sau bán hàng		

	Có cam kết	x	
	Không có cam kết		x
7.2	Cam kết đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo hàng hóa nguyên đai nguyên kiện.		
	Có cam kết	x	
	Không có cam kết		x
7.3	Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không đảm bảo yêu cầu chất lượng mà không do lỗi của chủ đầu tư.		
	Có cam kết	x	
	Không có cam kết		x
7.4	Cam kết bảo mật thông tin		
	Có cam kết	x	
	Không có cam kết		x
Kết luận		Đạt/Không đạt	

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không có

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không có